

Số: /BC-UBND

Vũ Muộn, ngày tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách năm 2023.

Thực hiện công văn số 2510/UBND-NV ngày 10/11/2023 của UBND huyện Bạch Thông về báo cáo kết quả thực hiện công tác CCHC năm 2023. UBND xã Vũ Muộn báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính năm 2023 trên địa bàn xã như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC

UBND xã Vũ Muộn đã ban hành Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 31/01/2023 về ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm 2023; Kế hoạch số 66/KH-UBND ngày 29/5/2023 về khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác CCHC năm 2022; Thông báo số 02/TB-BCĐ ngày 06/7/2023 của BCĐ CCHC về thông báo kết luận cuộc họp đánh giá công tác CCHC 6 tháng đầu năm 2023. Trên cơ sở kế hoạch cải cách hành chính năm 2023 đã ban hành UBND xã thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ CCHC theo kế hoạch đề ra.

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến các lĩnh vực công tác CCHC, UBND xã ban hành Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 18/4/2023 về tuyên truyền công tác CCHC xã Vũ Muộn năm 2023. Thực hiện tuyên truyền, phổ biến các lĩnh vực công tác CCHC đến toàn thể cán bộ, công chức xã và nhân dân bằng các hình thức như lồng ghép trong các buổi giao ban mở rộng, sinh hoạt công đoàn, họp thôn, đăng các tin bài, văn bản chỉ đạo trên trang TTĐT xã, năm 2023 được 22 tin bài, tổ chức 01 buổi tuyên truyền về CCHC, phối hợp với cán bộ phụ trách Đài phát thanh xã thường xuyên tổ chức tuyên truyền trên đài phát thanh (đĩa tuyên truyền được cấp phát).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách thể chế

- Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL): Trong năm 2023, UBND xã đã xây dựng, ban hành 01 văn bản quy phạm pháp luật, văn bản ban hành bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, tuân thủ đúng quy trình xây dựng và ban hành văn bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL.

- Công tác thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật thực hiện theo kế hoạch. UBND xã ban hành Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 04/2/2023 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Kế hoạch số 64/KH/UBND ngày 16/5/2023 về điều tra, khảo sát và thu thập thông tin tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực lâm nghiệp trên địa bàn xã năm 2023; Báo cáo số 129a/BC-UBND ngày 25/7/2023 về khắc phục sau kiểm tra liên ngành công tác TĐTHPL và THPL về xử lý VPHC năm 2023.

- Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL: số lượng văn bản được kiểm tra 01, kết quả đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, tuân thủ đúng

quy trình xây dựng và ban hành văn bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

- Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC: qua rà soát không có đề xuất kiến nghị đơn giản hóa TTHC.

- Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị: Thường xuyên cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã, gồm 31 lĩnh vực theo Quyết định số 1414/QĐ-UBND ngày 04/8/2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn về phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, được niêm yết đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã, thuận tiện cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp và người dân tra cứu.

- Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

+ Tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa (*cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân sự, cơ chế phối hợp*): Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả luôn thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông điện tử trong giải quyết TTHC, công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong giải quyết TTHC. Các TTHC đều được giải quyết trên phần mềm một cửa điện tử và đúng thời gian quy định.

+ Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC: Đang thực hiện số hóa, tính đến thời điểm này đã số hóa **được 381 hồ sơ**.

+ Tổng hợp, cập nhật kết quả giải quyết hồ sơ TTHC của cơ quan, đơn vị: Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong kỳ là 330 hồ sơ, giải quyết đúng hạn 328, trong hạn 02, quá hạn 0 hồ sơ.

+ Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: Lãnh đạo UBND xã đặc biệt quan tâm và chỉ đạo thực hiện nghiêm túc công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối TTHC do UBND xã giải quyết. Nhằm để nâng cao chất lượng phục vụ các tổ chức, công dân được hưởng các dịch vụ công hành chính và đạt được chỉ số đánh giá hài lòng được tốt hơn. UBND xã đã thông báo đường dây nóng qua số điện thoại của cơ quan để tiếp nhận phản ánh trực tiếp. Trong năm 2023 UBND xã không nhận được phản ánh, kiến nghị nào của cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp trong quá trình thực hiện TTHC.

+ Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC: Tốt.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

Các cán bộ, công chức xã đều được sắp xếp đúng với vị trí công tác chuyên môn được giao, tổng số cán bộ công chức xã hiện nay là 19 người, các chức danh đều được sắp xếp đúng quy định của UBND tỉnh. Việc xây dựng và kết quả thực hiện kế hoạch tinh giản biên chế năm của đơn vị, cụ thể:

- Có 01 công chức nghỉ việc do hết tuổi lao động, tiếp nhận 02 CBCC điều động đến công tác tại địa phương (BTĐU và công chức VHXH), 01 công chức được điều động đi công tác ở địa phương khác (Công chức VHXH).

- Việc tinh giản biên chế: Qua rà soát, đơn vị không có CBCC đủ điều kiện tinh giản biên chế giai đoạn 2022 -2030.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Thực hiện cơ cấu cán bộ, công chức đạt chuẩn về trình độ chuyên môn: Công chức xã sắp xếp đúng cơ cấu ngạch công chức, 100% CBCC đạt chuẩn về trình độ chuyên môn. CBCC được tạo điều kiện tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

- Chấp hành kỷ luật, kỷ cương, lề lối làm việc và các quy định về văn hóa công sở: UBND xã tiếp tục quán triệt cán bộ, công chức chấp hành nghiêm Chỉ thị số 26-CT/TU ngày 18/4/2014 của Tỉnh ủy về tăng cường kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm thực thi nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị và cán, bộ chiến sĩ trong lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của UBND tỉnh quy định trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ và chấp hành kỷ luật, kỷ cương; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. CBCC chấp hành tốt các quy định về văn hóa công sở, lề lối làm việc, thời gian làm việc, đeo thẻ... 6 tháng đầu năm 2023 có 02 CB bị xử lý kỷ luật.

5. Cải cách tài chính công

- Việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ: Triển khai thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/12/2015 của Chính phủ về thực hiện cơ chế tự chủ, hàng năm UBND xã lập dự toán ngân sách nhà nước theo đúng quy định, đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách thu nhập, tiền lương. Thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, đã chủ động trong việc sử dụng kinh phí tự chủ được giao, xây dựng và ban hành Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 về ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính.

- Thực hành tiết kiệm kinh phí thực hiện chế độ tự chủ để chi thu nhập tăng thêm cho người lao động: UBND xã chủ động điều tiết các khoản chi hợp lý, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và để chi thu nhập tăng thêm cho người lao động theo quy định.

- Thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công là 3.757.891.728/6.151.116.781 đồng = 61,09% KH.

Công tác thu ngân sách: Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã đến ngày 20/11/2023 là 52.872.709/70.000.000 đồng = 75% KH.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử

- *Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số ở địa phương*: UBND xã đã gắn chặt ứng dụng CNTT với cải cách hành chính như sử dụng tốt phần mềm quản lý HSCV, tăng cường sử dụng chữ ký số trong trao đổi văn bản điện tử; tiếp tục vận hành có hiệu quả phần mềm Một cửa điện tử. Tuyên truyền cán bộ công chức thường xuyên kiểm tra, rà soát, đánh giá mức độ đảm bảo ATTT cho hệ thống Máy tính gồm: Cài đặt mật khẩu máy, sử dụng phần mềm diệt virus có bản quyền...nhằm đánh giá tổng thể mức độ ATTT mạng, kịp thời phát hiện và xử lý sự cố, lỗ hổng, để kịp thời ngăn chặn, bảo vệ hệ thống mạng.

- Tổng số máy tính phục vụ công tác là 19, các máy tính đều được cài đặt phần mềm diệt virus có bản quyền; cấp chứng thư số chuyên dùng cho lãnh đạo có thẩm quyền ký ban hành văn bản tại cơ quan là: 5 người; công chức trực bộ phận một cửa

được cấp chữ ký số đúng quy định.

- Các văn bản ban hành đều được trao đổi trên môi trường mạng và có ứng dụng chữ ký số.

- Việc sử dụng hệ thống một cửa, một cửa liên thông được sử dụng thường xuyên, theo quy định.

- Hiện nay các CBCC xã đều được cấp và sử dụng thường xuyên tài khoản quản lý văn bản và điều hành, hộp thư điện tử công vụ để trao đổi văn bản.

- Kết quả cung cấp dịch vụ công: phát sinh 294 hồ sơ (84 hồ sơ toàn trình, 210 hồ sơ 1 phần).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

- Công tác CCHC trên địa bàn xã đã được cấp ủy, chính quyền tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch ngay từ đầu năm.

- Chất lượng đội ngũ CBCC ngày càng được nâng lên, khả năng xử lý, giải quyết công việc, ý thức trách nhiệm và việc chấp hành công vụ ngày một tốt hơn.

- Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC có nhiều kết quả tích cực. Việc áp dụng các quy trình tiếp nhận và trả kết quả được thực hiện đúng quy định.

- Thủ tục hành chính được niêm yết công khai, minh bạch giúp người dân nắm rõ được quy trình và thời gian giải quyết các TTHC giảm thiểu thời gian đi lại và chi phí cho người dân.

- Cơ sở vật chất được trang bị đảm bảo cho việc thực hiện nhiệm vụ.

- Nâng cao hơn ý thức, trách nhiệm, làm việc khoa học, hiệu quả hơn của đội ngũ cán bộ, công chức.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Việc phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ CCHC đôi khi chưa chặt chẽ.

- Việc tuyên truyền, quán triệt sử dụng phần mềm một cửa điện tử, một cửa liên thông và dịch vụ công TT chưa quyết liệt; tỷ lệ người dân biết và khai thác hệ thống dịch vụ công trực tuyến còn thấp

- Do điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương còn gặp nhiều khó khăn, điều kiện tiếp cận công nghệ thông tin, công nghệ số của người dân còn hạn chế.

- Số lượng hồ sơ do người dân tự thực hiện theo hình thức trực tuyến trong thực tế không có, phần lớn do công chức tại bộ phận một cửa hỗ trợ người dân thực hiện. Chưa hình thành “*Công dân điện tử*”.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC TRỌNG TÂM

- Tiếp tục rà soát, thực hiện các nhiệm vụ CCHC năm đã đề ra trong kế hoạch.

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền; sự phối hợp trong việc thực hiện CCHC, coi công tác CCHC thực sự là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của đơn vị.

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức đối với công tác CCHC; đặc biệt là nâng cao trách nhiệm, vai trò trực tiếp chỉ đạo của người đứng đầu đơn vị trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin, kỹ năng số cho cán bộ,

công chức và người dùng Internet trên địa bàn. Chú trọng tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng dành cho cán bộ được phân công phụ trách CNTT về kỹ năng số, xây dựng “Công dân điện tử”; từng bước nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và khả năng tham mưu của cán bộ phụ trách Công nghệ thông tin.

- Tăng cường công tác đôn đốc việc thực hiện; gắn việc thực hiện công tác CCHC với công tác thi đua khen thưởng để nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu và đội ngũ cán bộ, công chức trong thực thi nhiệm vụ.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ. Khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia vào tiến trình CCHC và giám sát chất lượng thực thi công vụ của cán bộ, công chức.

- Đảm bảo kinh phí cho việc thực hiện các chương trình, kế hoạch cải cách hành chính của xã.

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin gắn với cải cách hành chính trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn xã; hướng tới nâng cao năng suất lao động; cung cấp đầy đủ thông tin, dịch vụ công trực tuyến mức độ cao, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ phận TN&TKQ xã.

- Duy trì hoạt động Trang TTĐT của xã hướng tới mục tiêu cung cấp đầy đủ thông tin hoạt động của xã.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT: Không

Trên đây là báo cáo Kết quả thực hiện công tác cải cách năm 2023 của UBND xã Vũ Muộn./.

Nơi nhận:

Gửi bản giấy:

- Lưu: VP

Gửi bản điện tử:

- Phòng Nội vụ huyện (B/c);

- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;

- Chủ tịch UBND xã;

- CBCC xã;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đàm Thị Hành

Phụ lục I
BIỂU THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC
NĂM 2023 XÃ VŨ MUỘN

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /11/2023 của UBND xã Vũ Muộn)

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	4	Kế hoạch
1.2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	100	
1.2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	46	
1.2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	46	
1.3	Thực hiện nhiệm vụ UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao			
1.3.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
1.3.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
1.3.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.3.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
1.4	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Có/không	Có	
2	Cải cách thể chế			
2.1	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	1	
2.2	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	1	
2.2.1	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra</i>	<i>Văn bản</i>	0	
	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>	0	
2.3	Rà soát VBQPPL			
2.3.1	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản	0	
2.3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	
	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát</i>	<i>Văn bản</i>	0	
	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>	0	
3	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1	Thống kê TTHC			
3.1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
3.1.2	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
3.1.3	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.1.4	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại cơ quan, đơn vị	Thủ tục	114	
Trong đó				
	Số TTHC cấp xã	Thủ tục	114	
3.2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.2.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	16	
3.2.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp	Thủ tục	13	
3.2.3	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	0	
3.3	Kết quả giải quyết TTHC			
	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	328	
	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	328	
3.4	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100	
3.4.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0	
3.4.2	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	0	
4	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1	Số liệu về biên chế cán bộ, công chức			
4.1.1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	20	
4.1.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	19	
4.1.3	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.1.4	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	0	
5	Cải cách chế độ công vụ			
5.1	Vị trí việc làm của cán bộ, công chức			
	Số cán bộ, công chức đúng vị trí việc làm đã được phê duyệt	%	100	
5.2	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).			
5.2.1	Số cán bộ bị kỷ luật.	Người	2	
5.2.2	Số công chức bị kỷ luật.	Người	0	
6	Cải cách tài chính công			
7	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử			
7.1	Tổng số văn bản đi giữa các cơ quan nhà nước		781	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	70	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	30	
7.2	Cung cấp Dịch vụ công trực tuyến			
7.2.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	0	
	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	0	
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	0	
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	0	
7.2.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%		
	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	46	
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	46	
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	0	
7.2.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC của tỉnh, quốc gia	%		
	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của cơ quan, đơn vị	Thủ tục	46	
	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	38	
7.2.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	0	
	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp, bưu chính công ích và trực tuyến)	Hồ sơ	329	
	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	96	
7.2.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	0	
	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)	Thủ tục	0	
	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	0	